

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hùng Việt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hồng	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên miễn nhiệm từ 18/06/2015
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên
Ông Chu Minh Hoàng	Thành viên tạm thời từ 18/06/2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Văn Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hanh Thông	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Trung.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

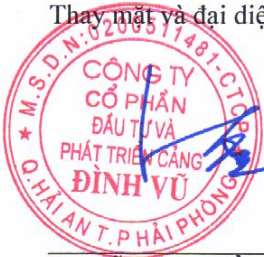
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07/03/2016, từ trang 05 đến trang 38 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0666- 2014- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Hà Minh Long
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1221- 2014- 112- 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		671.332.972.664	435.180.868.035
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.794.016.557	10.074.045.298
Tiền	111		20.794.016.557	10.074.045.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		538.000.000.000	336.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	538.000.000.000	336.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.612.423.348	69.165.924.348
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.644.522.216	64.837.300.640
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.187.188.000	1.158.745.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.780.713.132	4.847.470.168
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		-	(1.677.592.260)
Hàng tồn kho	140		9.467.065.121	11.585.863.169
Hàng tồn kho	141	8	9.467.065.121	11.585.863.169
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.459.467.638	8.355.035.220
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.267.080.413	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.192.387.225	8.215.228.765
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	139.806.455
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		443.944.873.264	541.840.404.310
Các khoản phải thu dài hạn	210		593.181.000	624.681.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	593.181.000	624.681.000
Tài sản cố định	220		254.544.631.362	316.562.209.516
Tài sản cố định hữu hình	221	11	253.485.255.323	314.329.584.715
- Nguyên giá	222		912.027.013.536	894.738.226.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(658.541.758.213)	(580.408.641.771)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.059.376.039	2.232.624.801
- Nguyên giá	228		4.422.304.700	4.309.554.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.362.928.661)	(2.076.929.899)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.208.775.186	32.301.499.994
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	15.208.775.186	32.301.499.994
Đầu tư tài chính dài hạn	250		142.352.013.800	192.352.013.800
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	142.352.013.800	142.352.013.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	50.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		31.246.271.916	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	31.246.271.916	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.115.277.845.928	977.021.272.345


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		176.106.567.291	173.911.182.095
Nợ ngắn hạn	310		115.844.592.291	83.071.749.845
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	19.486.293.841	16.018.455.040
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.927.850	328.482.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	6.180.594.900	5.054.411.081
Phải trả người lao động	314		20.923.120.755	21.129.950.461
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		194.186.964	264.789.941
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.130.460.754	3.098.328.385
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	35.358.480.000	33.590.556.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	26.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.460.527.227	3.586.776.937
Nợ dài hạn	330		60.261.975.000	90.839.432.250
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	60.261.975.000	90.839.432.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		939.171.278.637	803.110.090.250
Vốn chủ sở hữu	410	19	939.171.278.637	803.110.090.250
Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		142.352.013.800	142.352.013.800
Quỹ đầu tư phát triển	418		164.645.326.145	71.220.944.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		232.173.938.692	189.537.132.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.084.580.305	21.435.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		201.089.358.387	168.102.132.425
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.115.277.845.928	977.021.272.345



Nguyễn Ngọc Hồng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2016


 Đoàn Minh Trung
 Kế toán trưởng


 Lê Thị Hải Thành
 Người lập


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
	số	minh		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	652.048.118.390	541.988.239.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		652.048.118.390	541.988.239.924
Giá vốn hàng bán	11	21	344.330.669.795	305.320.787.817
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		307.717.448.595	236.667.452.107
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	47.712.175.101	36.376.919.225
Chi phí tài chính	22	23	10.375.429.431	9.176.628.845
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.510.187.232	6.768.972.341
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		35.544.122.759	22.449.973.068
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		309.510.071.506	241.417.769.419
Thu nhập khác	31	24	1.041.740.908	1.348.105.487
Chi phí khác	32		-	263.660.105
Lợi nhuận khác	40		1.041.740.908	1.084.445.382
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		310.551.812.414	242.502.214.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	29.462.454.027	14.400.082.376
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		281.089.358.387	228.102.132.425
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	7.027	5.703
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Nguyễn Ngọc Hồng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2016


 Đoàn Minh Trung
 Kế toán trưởng


 Lê Thị Hải Thành
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	691.822.898.328	569.496.157.065
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(187.409.288.570)	(143.190.290.717)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(102.642.936.959)	(75.271.764.889)
Tiền lãi vay đã trả	4	(4.580.790.209)	(6.932.926.554)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(28.418.809.568)	(12.683.610.500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	3.330.318.235	7.902.160.763
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(21.159.923.471)	(23.441.117.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	350.941.467.786	315.878.607.530
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(57.073.205.246)	(53.025.298.033)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	307.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(729.000.000.000)	(306.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	577.000.000.000	148.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.311.812.500)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.032.988.986	31.464.132.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(166.040.216.260)	(197.565.977.709)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.382.800.180)	(38.378.972.931)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(10.132.948.835)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(139.804.905.500)	(138.106.439.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(174.187.705.680)	(186.618.361.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.713.545.846	(68.305.731.889)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.074.045.298	78.379.709.130
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.425.413	68.057
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	20.794.016.557	10.074.045.298



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Thị Hải Thành
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 6 ngày 21/04/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là: 400.000.000.000 đồng, được chia thành 40.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DVP.

Trụ sở của Công ty đặt tại Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 430 người (tại ngày 31/12/2014 là 422 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các dịch vụ công ty thực hiện trong năm phát sinh với chu kỳ ngắn theo các đơn hàng khách hàng đặt trước các công việc thực hiện và kết thúc thông thường từ 1 ngày đến 7 ngày.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2014. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, các chi phí phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa, Dự phòng bảo hành công trình xây dựng, Dự phòng trợ cấp thôi việc và Dự phòng phải trả khác.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.11 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 THUẾ

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4477GCN/UB ngày 17/09/2004 của UBND thành phố Hải Phòng, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Quyết định số 06/2008/QĐ-TT ngày 10/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 141/CT-TT&HT của Cục thuế Hải Phòng ngày 21/02/2011, Công ty được hưởng những chính sách ưu đãi thuế sau:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.;
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nêu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết; các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các công ty tham gia liên doanh và các công ty do các bên tham gia liên doanh đầu tư và chi phối. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	342.755.667	367.473.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.451.260.890	9.706.572.175
	20.794.016.557	10.074.045.298

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Ngắn hạn	538.000.000.000	538.000.000.000	336.000.000.000	336.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	538.000.000.000	538.000.000.000	336.000.000.000	336.000.000.000
Dài hạn	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	538.000.000.000	538.000.000.000	386.000.000.000	386.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	57.644.522.216	64.837.300.640
- MITSUI O.S.K. LINES LTD	8.547.115.276	-
- SITC CONTAINER LINES CO., LTD	21.650.419.425	19.766.829.429
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	8.018.635.496	13.517.920.122
- Công ty TNHH KMTC	4.393.255.491	6.352.528.590
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.035.096.528	25.200.022.499
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
	57.644.522.216	64.837.300.640
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	151.996.962	328.393.143
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	151.996.962	328.393.143
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	734.835.530	606.496.726
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	126.486.987	64.613.340

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.780.713.132	-	4.847.470.168	-
- Phải thu người lao động	102.207.069	-	64.162.900	-
- Phải thu khác	71.217.594	-	87.131.287	-
- Bảo hiểm xã hội	151.498.492	-	155.693.122	-
- Bảo hiểm y tế	2.545.532	-	14.427.304	-
- Dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.453.244.445	-	4.526.055.555	-
Dài hạn	593.181.000	-	624.681.000	-
- Phải thu người lao động	593.181.000	-	624.681.000	-
	7.373.894.132	-	5.472.151.168	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	926.198.466	-	11.396.959.265	-
Công cụ, dụng cụ	8.540.866.655	-	188.903.904	-
	9.467.065.121	-	11.585.863.169	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	1.267.080.413	-
- Chi phí mua bảo hiểm	370.265.261	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	823.481.818	-
- Các khoản khác	73.333.334	-
- Các khoản khác		
Dài hạn	31.246.271.916	-
- Chi phí thuê đất KCN Minh Phương (*)	31.246.271.916	-
	32.513.352.329	-

(*) Chi phí thuê đất theo hợp đồng số 03/2013/HĐT-MP ngày 12/07/2013 và các phục lục điều chỉnh số 02,03 ngày 03/10/2013 về việc thuê lô đất CN 2.2: 39.587m² đất và 4.830m² đất mở rộng, được phân bổ trong vòng 43 năm (từ 01/01/2015 đến 30/06/2057) và giá trị tiền thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo theo hợp đồng số 27/2015/HĐTĐ-MP ngày 12/6/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	34.779.310	29.157.275.868	29.192.055.178	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.019.631.771	29.462.454.027	28.418.809.568	6.063.276.230
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.525.289.192	3.407.970.522	117.318.670
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	5.054.411.081	62.148.019.087	61.021.835.268	6.180.594.900
	01/01/2015	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	139.806.455	-	139.806.455	-
	139.806.455	-	139.806.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	358.313.510.150	437.577.823.682	91.062.373.141	7.784.519.513	894.738.226.486
- Mua trong năm	-	-	4.131.818.186	4.716.465.727	8.848.283.913
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	9.532.571.356	-	-	-	9.532.571.356
- Thanh lý, nhượng bán	(1.092.068.219)	-	-	-	(1.092.068.219)
31/12/2015	<u>366.754.013.287</u>	<u>437.577.823.682</u>	<u>95.194.191.327</u>	<u>12.500.985.240</u>	<u>912.027.013.536</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	(265.735.028.274)	(231.473.876.464)	(77.374.730.962)	(5.825.006.071)	(580.408.641.771)
- Khấu hao trong năm	(26.148.061.011)	(45.060.587.676)	(5.520.492.266)	(1.846.612.799)	(78.575.753.752)
- Thanh lý, nhượng bán	442.637.310	-	-	-	442.637.310
- Giảm khác	-	-	-	-	-
31/12/2015	<u>(291.440.451.975)</u>	<u>(276.534.464.140)</u>	<u>(82.895.223.228)</u>	<u>(7.671.618.870)</u>	<u>(658.541.758.213)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	92.578.481.876	206.103.947.218	13.687.642.179	1.959.513.442	314.329.584.715
31/12/2015	<u>75.313.561.312</u>	<u>161.043.359.542</u>	<u>12.298.968.099</u>	<u>4.829.366.370</u>	<u>253.485.255.323</u>

Tại ngày 31/12/2015 nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 441.357.933.616 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2015	4.309.554.700	4.309.554.700
- Mua trong năm	112.750.000	112.750.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
31/12/2015	<u>4.422.304.700</u>	<u>4.422.304.700</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2015	(2.076.929.899)	(2.076.929.899)
- Khấu hao trong năm	(1.285.998.762)	(1.285.998.762)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
31/12/2015	<u>(3.362.928.661)</u>	<u>(3.362.928.661)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2015	<u>2.232.624.801</u>	<u>2.232.624.801</u>
31/12/2015	<u>1.059.376.039</u>	<u>1.059.376.039</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Mua sắm	375.730.909	-
- Cần trục giàn RTG	368.930.909	-
- Xe dầu kéo và romooc	6.800.000	-
Xây dựng cơ bản	14.833.044.277	32.301.499.994
- Hợp đồng giữ bãi đất Minh Phương	-	28.138.636.364
- Công trình Nhà điều hành	11.864.211.818	1.569.311.818
- Công trình Nhà chờ công nhân	-	149.957.272
- Công trình điện - bãi Minh Phương	-	2.443.594.540
- Khung chụp Container 45T	12.941.550	-
- Nâng cấp hệ thống điện điều khiển cần trục	2.955.890.909	-
	<u>15.208.775.186</u>	<u>32.301.499.994</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

31/12/2015

01/01/2015

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	128.672.013.800	-	128.672.013.800	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	13.680.000.000	-	13.680.000.000	-
	142.352.013.800	-	142.352.013.800	-
				142.352.013.800

(1) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01/08/2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.550.000 USD). Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã góp 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ.
Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 29/01/2011.

Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,...

(2) Theo biên bản góp vốn ngày 14/10/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là 30.000.000.000 đồng; Công ty góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6% vốn điều lệ). Tại ngày 30/06/2015, Công ty và các cổ đông khác đã góp đủ vốn theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17/12/2011.

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	19.486.293.841	19.486.293.841	16.018.455.040	16.018.455.040
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ	2.935.911.000	2.935.911.000	-	-
- Công ty Cổ phần Dolphin	3.444.141.800	3.444.141.800	2.383.441.500	2.383.441.500
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.503.498.112	2.503.498.112	2.457.385.800	2.457.385.800
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Sao Việt	2.645.500.000	2.645.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Vận Xuân	1.529.694.100	1.529.694.100	2.166.753.060	2.166.753.060
- Công ty Cổ phần Xây dựng 203	-	-	3.199.802.000	3.199.802.000
- Các đối tượng khác	6.427.548.829	6.427.548.829	5.811.072.680	5.811.072.680
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	2.503.498.112	2.503.498.112	2.457.385.800	2.457.385.800
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.503.498.112	2.503.498.112	2.457.385.800	2.457.385.800
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	469.496.086	469.496.086	1.609.689.700	1.609.689.700
	19.486.293.841	19.486.293.841	16.018.455.040	16.018.455.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.130.460.754	3.098.328.385
- Kinh phí công đoàn	93.543.092	87.306.182
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.443.412	7.172.453
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.024.474.250	3.003.849.750
<i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông</i>	<i>2.644.169.250</i>	<i>2.449.355.750</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>380.305.000</i>	<i>554.494.000</i>
b) Dài hạn	-	-
	<u>3.130.460.754</u>	<u>3.098.328.385</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	16.000.000.000	-
- Dự phòng nợ vét bến cảng	10.000.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
	<u>26.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	35.358.480.000	35.358.480.000	38.051.994.230	36.284.070.230	33.590.556.000	33.590.556.000
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.04250111/DH (1)	21.420.900.000	21.420.900.000	23.849.600.210	22.778.555.210	20.349.855.000	20.349.855.000
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.02131012/DH (2)	13.937.580.000	13.937.580.000	14.202.394.020	13.505.515.020	13.240.701.000	13.240.701.000
b) Vay dài hạn	60.261.975.000	60.261.975.000	3.743.840.670	34.321.297.920	90.839.432.250	90.839.432.250
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.04250111/DH (1)	42.840.000.000	42.840.000.000	2.584.698.600	20.792.553.600	61.047.855.000	61.047.855.000
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.02131012/DH (2)	17.421.975.000	17.421.975.000	1.159.142.070	13.528.744.320	29.791.577.250	29.791.577.250
	95.620.455.000	95.620.455.000	41.795.834.900	70.605.368.150	124.429.988.250	124.429.988.250

(1) Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ký ngày 17/02/2011 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Hạn mức vay: 6.577.200 USD ; Thời hạn vay: Từ ngày 10/05/2011 đến ngày 10/11/2018.

Mục đích vay: Đầu tư mua sắm 02 cần cẩu trục giàn QC theo hợp đồng số 03/DVP/AD/2010 ký ngày 02/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Kranunion.

Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trả gốc và lãi: Nợ gốc được trả hàng quý, lãi vay được trả hàng tháng.

Tài sản đảm bảo là 02 cần trục giàn QC (Quayside Gantry Crane), Model: FS 50t x 35/20/16, hãng chế tạo: KIROW ARDELTA AG theo Hợp đồng số 03/DVP/AD/2010 ký ngày 02/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Kranunion (Kirow Ardelta/Kocks Krane) C/O Kirow Ardelta AG. Tổng trị giá tài sản: 9.396.000 USD.

(2) Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.02131012/DH ký ngày 10/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Hạn mức vay: 75.852.000.000 VND (hoặc 3.528.000 USD tương đương); Thời hạn: Từ ngày 18/07/2013 đến ngày 18/01/2018

Mục đích vay: Đầu tư mua sắm 04 cần RTG loại khung nâng di động băng bánh lốp chuyên dụng để nâng chuyên container theo hợp đồng mua bán số 01/CDV/UNICO-CARGOTEC/2012, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với Liên danh UNICO-CARGOTEC ngày 22/05/2012

Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trả gốc và lãi: Nợ gốc được trả hàng quý, lãi vay được trả hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản đảm bảo là 04 cầu RTG – loại khung nâng di động bằng bánh lốp chuyên dùng để nâng chuyển container theo hợp đồng mua bán số 01/CDV/UNICO-CARGOTEC/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với Liên danh UNICO-CARGOTEC (gồm Cargotec Belgium NV và Unico Handels GmbH) ngày 22/05/2012. Tổng giá trị tài sản 5.040.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND				
01/01/2014	400.000.000.000	124.040.201.300	1.642.712.500	43.992.923.325	149.832.120.700	719.507.957.825		
- Lãi trong năm	-	-	-	-	228.102.132.425	228.102.132.425		
- Phân phối lợi nhuận	-	-	43.897.120.700	-	(128.397.120.700)	(84.500.000.000)		
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)		
- Đầu tư ra ngoài	-	18.311.812.500	(18.311.812.500)	-	-	-		
31/12/2014	400.000.000.000	142.352.013.800	27.228.020.700	43.992.923.325	189.537.132.425	803.110.090.250		
01/01/2015	400.000.000.000	142.352.013.800	71.220.944.025	-	189.537.132.425	803.110.090.250		
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	281.089.358.387	281.089.358.387		
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(238.452.552.120)	(238.452.552.120)		
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	93.452.552.120	-	(93.452.552.120)	-		
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)		
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)		
Giảm khác	-	-	(28.170.000)	-	-	(28.170.000)		
31/12/2015	400.000.000.000	142.352.013.800	164.645.326.145	-	232.173.938.692	939.171.278.637		

(*) Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, không còn khoản mục Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Công ty phân loại số dư Quỹ Dự phòng tài chính lại ngày 01/01/2015 vào Quỹ Đầu tư Phát triển.

(**) Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 27/04/2015 dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 tăng 935.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế của năm 2014 tăng 149.0580.305 đồng so với số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	204.000.000.000	204.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	74.800.000.000	74.800.000.000
- HALLEY SICAV-HALLEY ASIAN PROSPERITY	20.626.300.000	20.626.300.000
- ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	19.580.000.000	19.580.000.000
- Các cổ đông khác	80.993.700.000	80.993.700.000
	400.000.000.000	400.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	238.452.552.120	187.462.120.700

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2015	01/01/2015
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.645.326.145	71.220.944.025
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	142.352.013.800	142.352.013.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	652.048.118.390	541.988.239.924
	652.048.118.390	541.988.239.924
b) Doanh thu với các bên liên quan	13.538.211.465	10.035.218.401
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	2.920.052.336	4.075.917.371
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	9.939.052.336	5.900.561.630
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	679.106.793	58.739.400

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	344.330.669.795	305.320.787.817
	344.330.669.795	305.320.787.817

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.918.561.840	21.313.552.868
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.003.222.553	12.579.888.475
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.767.716.917	1.594.163.687
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.673.791	889.314.195
	47.712.175.101	36.376.919.225

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	4.510.187.232	6.768.972.341
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.830.273.539	2.407.656.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.968.660	-
	10.375.429.431	9.176.628.845

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản thu nhập khác	1.041.740.908	1.348.105.487
	1.041.740.908	1.348.105.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	310.551.812.414	242.502.214.801
Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.098.624.205	1.537.003.999
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.968.660	-
- Chi phí không hợp lý	3.063.655.545	1.537.003.999
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	19.025.896.344	12.579.888.475
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.673.791	-
- Cổ tức đã nhận được	19.003.222.553	12.579.888.475
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	335.797.630.959	231.459.330.325
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	294.624.540.275	214.895.824.491
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	-	16.563.505.834
- Thuế suất ưu đãi hoạt động kinh doanh chính	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác	22%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	29.462.454.027	25.133.553.733
- Thuế TNDN mức thuế suất 10%	29.462.454.027	21.489.582.449
- Thuế TNDN được miễn giảm với hoạt động kinh doanh chính (giảm 50%)	-	(10.733.471.357)
- Thuế TNDN mức thuế suất 22%	-	3.643.971.283
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.462.454.027	14.400.082.376

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	281.089.358.387	228.102.132.425
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	7.027	5.703
	Năm 2015	Năm 2014
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	40.000.000	40.000.000

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	27.651.737.119	30.543.056.613
Chi phí nhân công	94.216.103.023	79.555.992.153
Khấu hao tài sản cố định	76.263.504.104	102.092.862.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.807.501.030	71.468.975.111
Chi phí bằng tiền khác	56.391.824.519	21.659.901.422
	344.330.669.795	305.320.787.817

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.794.016.557	10.074.045.298
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	538.000.000.000	386.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.251.810.685	68.572.981.688
Đầu tư dài hạn	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	765.397.841.042	606.999.040.786
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	95.620.455.000	124.429.988.250
Phải trả người bán và phải trả khác	22.510.768.091	19.116.783.425
Chi phí phải trả	194.186.964	264.789.941
Dự phòng phải trả	26.000.000.000	-
Cộng	144.325.410.055	143.811.561.616
Trạng thái ròng	621.072.430.987	463.187.479.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2015 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	35.358.480.000	60.261.975.000	95.620.455.000
Phải trả người bán và phải trả khác	22.510.768.091	-	22.510.768.091
Chi phí phải trả	194.186.964	-	194.186.964
Dự phòng phải trả	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Cộng	84.063.435.055	60.261.975.000	144.325.410.055
01/01/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	33.590.556.000	90.839.432.250	124.429.988.250
Phải trả người bán và phải trả khác	19.116.783.425	-	19.116.783.425
Chi phí phải trả	264.789.941	-	264.789.941
Cộng	52.972.129.366	90.839.432.250	143.811.561.616

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng (Tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.794.016.557	-	20.794.016.557
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	538.000.000.000	-	538.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.251.810.685	-	64.251.810.685
Đầu tư dài hạn	-	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	623.045.827.242	142.352.013.800	765.397.841.042
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.074.045.298	-	10.074.045.298
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	386.000.000.000	-	386.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.948.300.688	624.681.000	68.572.981.688
Đầu tư dài hạn	-	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	464.022.345.986	142.976.694.800	606.999.040.786

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: Kinh doanh dịch vụ cảng.

Chỉ tiêu	Kinh doanh dịch vụ cảng VND	Tổng Cộng VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	652.048.118.390	652.048.118.390
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	652.048.118.390	652.048.118.390
Chi phí bộ phận	(344.330.669.795)	(344.330.669.795)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	307.717.448.595	307.717.448.595
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	307.717.448.595	307.717.448.595
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(35.544.122.759)	(35.544.122.759)
Doanh thu hoạt động tài chính	47.712.175.101	47.712.175.101
Chi phí tài chính	(10.375.429.431)	(10.375.429.431)
Thu nhập khác	1.041.740.908	1.041.740.908
Chi phí khác	-	-
Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(29.462.454.027)	(29.462.454.027)
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	281.089.358.387	281.089.358.387

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại	23.416,92	238,61
USD	23.416,92	238,61
EURO	5,14	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	34.382.800.180	48.511.921.766
Cộng	34.382.800.180	48.511.921.766

30.3 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Công ty có các khoản tiền thuê đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất có diện tích 221.415 m² tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-CT của Cục Thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020.

- Hợp đồng số 09/HĐTĐ – 2010 ngày 12/08/2010 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê diện tích đất 39.600 m² trong cụm công nghiệp Vinashin Đình Vũ. Tổng tiền thuê là 31.680.000.000 đồng. Thời hạn thuê đến hết ngày 31/07/2057.

- Ngày 09/12/2011 Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương đã thực hiện ký kết biên bản thỏa thuận 3 bên. Theo đó, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương có trách nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng đối với Công ty theo hợp đồng 09/HĐTĐ – 2010.

- Hợp đồng giữ đất số 01/2012/HĐGD-MP ký ngày 12/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương. Theo hợp đồng, các bên có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng số 09/HĐTĐ – 2010 ngày 12/08/2010. Cụ thể, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương sẽ bàn giao mặt bằng, cung cấp các tiện ích sử dụng trong khu công nghiệp (cung cấp điểm nối điện, nước sinh hoạt, nước thải, đường giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy) cho Công ty và phối hợp hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.

- Hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ-MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ. Theo hợp đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thuê diện tích đất là 44.417 m² với thời gian thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%), với đơn giá thuê đất như sau: Đơn giá thuê diện tích 39.587 m² là 800.000 đồng/ m² và đơn giá thuê diện tích 4.830 m² là 750.000 đồng/ m² (Hai đơn giá nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.4 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

a) Mua hàng từ bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng từ bên liên quan	36.064.048.559	26.068.697.046
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	40.243.500	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	31.039.853.205	22.059.192.779
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	4.983.951.854	4.009.504.267

b) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	3.725.984.972	2.862.630.868
Tiền lương, thưởng	3.725.984.972	2.862.630.868

30.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco. Trong năm Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố ghi tăng nguyên giá và hao mòn của tài sản cố định xe ô tô Mercedes, ghi tăng doanh thu và thuế giá trị gia tăng đồng thời ghi tăng khoản phải thu khách hàng tương ứng theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước ngày 27/04/2015 dẫn đến tăng thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2014. Theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại như sau:

142
CÔNG TY
HẢI AN
ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN
CẢNG ĐÌNH VŨ
T. PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.5 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số sau điều chỉnh VND	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND
TÀI SẢN			1.151.063.564
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	64.837.300.640	64.454.728.230	382.572.410
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	894.738.226.486	893.803.226.486	935.000.000
Giá trị hao mòn tài sản cố định hữu hình	(580.408.641.771)	(580.242.132.925)	(166.508.846)
NGUỒN VỐN			1.151.063.564
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.054.411.081	4.987.927.822	66.483.259
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	189.537.132.425	188.452.552.120	1.084.580.305

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Số sau điều chỉnh VND	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	541.988.239.924	541.640.446.824	347.793.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.449.973.068	22.283.464.222	166.508.846
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.400.082.376	14.368.378.427	31.703.949
Lợi nhuận sau thuế TNDN	228.102.132.425	227.952.552.120	149.580.305

(*) Trong đó, ảnh hưởng do điều chỉnh lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013 là 935.000.000 đồng và năm 2014 là 149.580.305 đồng.



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Thị Hải Thành
Người lập

